

Số: 2170/QĐ-UBND

Bến Cầu, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân huyện Bến Cầu Khóa XII, Kỳ họp thứ ba về việc phê chuẩn quyết
toán ngân sách trên địa bàn huyện năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện tại Tờ trình số
119/TTr-TCKH ngày 18 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính- Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP HU;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Trần Thanh Mềm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC



TRƯỜNG ĐẠI HỌC

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	326.600.000.000	583.581.621.899	256.981.621.899	178,68
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	100.436.000.000	110.745.083.513	10.309.083.513	110,26
-	Thu NSDP hưởng 100%	99.200.000.000	106.137.103.876	6.937.103.876	106,99
-	thu phân chia	1.236.000.000	4.607.979.637	3.371.979.637	372,81
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	211.404.000.000	438.391.171.661	226.987.171.661	207,37
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	197.854.000.000	231.904.000.000	34.050.000.000	117,21
2	Thu bổ sung có mục tiêu	13.550.000.000	206.487.171.661	192.937.171.661	1.523,89
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		3.031.945.244	3.031.945.244	
V	Nguồn cải cách tiền lương huyện	14.760.000.000			
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		31.413.421.481	31.413.421.481	
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
B	TỔNG CHI NSDP	326.600.000.000	577.992.682.380	187.321.918.746	176,97
I	Tổng chi cân đối NSDP	313.050.000.000	319.128.586.653	6.093.172.664	101,94
1	Chi đầu tư phát triển	45.160.000.000	51.462.140.669	6.302.140.669	113,96
2	Chi thường xuyên	247.160.000.000	245.982.899.965	-1.177.100.035	99,52
3	Dự phòng ngân sách	5.970.000.000	6.938.132.030	968.132.030	116,22
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
5	Chi từ nguồn CCTL huyện	14.760.000.000	14.745.413.989	-14.586.011	99,90
II	hiện nhiệm vụ	13.550.000.000	176.629.084.003	163.079.084.003	1.303,54
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
a	Vốn ĐTPT				
b	Vốn SN				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	13.550.000.000	176.629.084.003	163.079.084.003	
a	Vốn ĐTPT		77.411.465.056	77.411.465.056	